

CÔNG TY CỔ PHẦN FRIENDS IDEAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FRIENDS IDEAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FRIENDS IDEAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FIDEAL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109543501

3. Ngày thành lập: 09/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 379 đường Lương Thế Vinh, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0886109356

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
2.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ đầu giá)	4513
3.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
5.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ đầu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
6.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác.	4632
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da, và các giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649(Chính)
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Loại trừ thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Loại trừ thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.	4690
22.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
23.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
25.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4741
26.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
27.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
28.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
29.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
30.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Loại trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

31.	Vận tải hành khách đường bộ khác (Theo Điều 67, 68 Luật Giao thông đường bộ 2008; Điều 4, 13, 17 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4932
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Theo Điều 67, 72, 76, Luật Giao thông đường bộ 2008; Điều 9, 14, 17 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
33.	Bốc xếp hàng hóa	5224
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ các dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)	5229
35.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Theo Điều 49 Luật Du Lịch 2017; Mục 3 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP)	5510
36.	Cơ sở lưu trú khác	5590
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
38.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
39.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
40.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng	6619
41.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
42.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp (trừ tư vấn pháp lý)	7020
43.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
44.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá) (Theo Điều 7, Điều 20 Luật Quảng cáo 2012; Điều 15 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013)	7310
45.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
46.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

47.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động phiên dịch - Dịch vụ nghiên cứu, tư vấn về Tem bưu chính và kỹ năng sưu tập tem; - Dịch vụ nhận diện thương hiệu.	7490
48.	Cho thuê xe có động cơ	7710
49.	Đại lý du lịch	7911
50.	Điều hành tua du lịch	7912
51.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
52.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
53.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
54.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
56.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
57.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
58.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Điều 4 Nghị định 163/2017/NĐ-CP)	5210
61.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
62.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
63.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
66.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

67.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất hàng lưu niệm	3290
68.	Hoạt động xuất bản khác (Điều 31,32, 33 Luật Xuất bản 2012)	5819
69.	Hoạt động hậu kỳ	5912
70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn quà tặng lưu niệm	4669
71.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Kinh doanh tem chơi, phong bì tem, bưu thiếp có tem, bưu ảnh có tem, phong bì tiêu chuẩn và các mặt hàng văn hóa phẩm khác phục vụ người chơi tem, sưu tập tem trong và ngoài nước; - Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; - Bán lẻ quà tặng lưu niệm.	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ BÍCH NGỌC	Số 15, ngõ 230 Tổ dân phố số 3 Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	255.000	2.550.000.000	51,000	0011930044 83	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	255.000	2.550.000.000	51,000		

2	TRẦN THẾ ANH	Số 15 ngõ Đỗ Thuận, đường Đô Tô Hoàng, Phường Cầu Dền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	48,000	001091024472
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	48,000	
3	LÊ THUY LINH	1762 đường Đại lộ Hùng Vương, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.000	50.000.000	1,000	132232875
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	5.000	50.000.000	1,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ BÍCH NGỌC**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *13/04/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001193004483*

Ngày cấp: *08/02/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 15, ngõ 230 Tổ dân phố số 3 Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 15, ngõ 230 Tổ dân phố số 3 Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội